

Họ và tên:

Mã đề thi: 0901

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc

A. giáp Cam-pu-chia ở phía tây.

C. tiếp giáp với Nam Trung Bộ.

B. giáp Trung Quốc ở phía bắc.

D. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.

Câu 2. Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh để

A. trồng cây cận nhiệt.

C. khai thác dầu khí.

B. khai thác than nâu.

D. trồng rau vụ đông.

Câu 3. Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi phía Bắc nước ta vào mùa đông?

A. Lũ lụt.

B. Rét đậm, rét hại.

C. Động đất.

D. Giông lốc.

Câu 4. Ngành trồng trọt ở nước ta hiện nay

A. đang ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất.

B. tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp.

C. chỉ phát triển chuyên canh ở các đồng bằng lớn.

D. chưa chú trọng xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp.

Câu 5. Dịch vụ nào sau đây thuộc ngành bưu chính ở nước ta hiện nay?

A. Điện thoại cố định.

C. Chuyển bưu kiện.

B. Truyền hình cáp.

D. Cáp quang Internet.

Câu 6. Môi trường biển, đảo nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Các đảo không chịu tác động bởi hoạt động của con người.

B. Các đảo trên biển của nước ta thường có diện tích nhỏ.

C. Môi trường biển là một thể thống nhất, không chia cắt được.

D. Môi trường đảo nước ta có sự biệt lập với phần đất liền.

Câu 7. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của địa hình nước ta biểu hiện qua đặc điểm nào sau đây?

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ.

B. Độ dốc có sự khác nhau giữa các khu vực.

C. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ.

D. Địa hình hướng vòng cung là chủ yếu.

Câu 8. Cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng.

B. đẩy mạnh phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất.

C. mở rộng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

D. giảm tỉ trọng thủy sản trong nhóm ngành nông nghiệp.

Câu 9. Ngành nội thương ở nước ta hiện nay

A. bỏ hoàn toàn loại hình chợ truyền thống.

B. thương mại điện tử tăng trưởng chậm.

C. chỉ có trung tâm thương mại vốn trong nước.

D. phát triển với đa dạng các loại hình.

Câu 10. Vùng đất của nước ta

A. có diện tích lớn hơn vùng biển.

C. bao gồm cả phần hải đảo.

B. giáp với vùng đất của Thái Lan.

D. có kiểu khí hậu nhiệt đới lục địa.

Câu 11. Chất lượng lao động ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

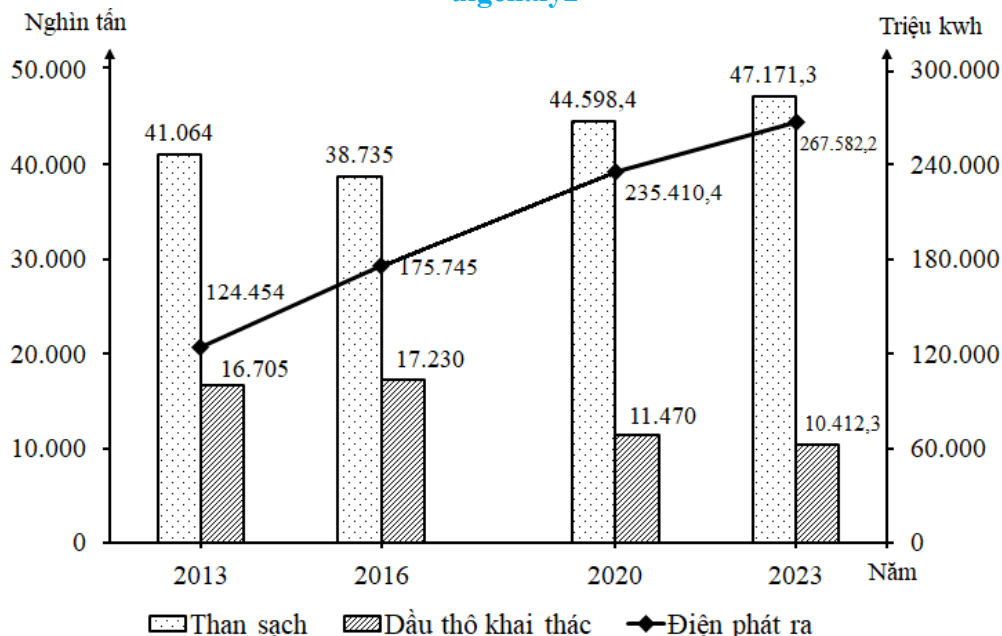
A. Ít kinh nghiệm trong ngành tiểu thủ công nghiệp.

B. Việc tiếp thu khoa học - công nghệ rất hạn chế.

C. Hầu hết lao động có chuyên môn, kĩ thuật cao.

D. Chất lượng lao động có sự phân hóa theo vùng.

Câu 12. Cho biểu đồ sau:



Sản lượng than sạch, dầu thô khai thác và điện phát ra của nước ta giai đoạn 2013 – 2023

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Trong giai đoạn trên, sản lượng than sạch tăng liên tục qua các năm.
- B. Năm 2023 so với 2013, sản lượng dầu thô khai thác đã giảm 50%.
- C. Tốc độ tăng về sản lượng của than sạch nhanh hơn so với điện phát ra.
- D. Năm 2023 so với năm 2013, sản lượng điện phát ra tăng gấp 2,15 lần.

Câu 13. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
- B. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
- C. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
- D. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.

Câu 14. Nhà máy nhiệt điện nào sau đây có ở Bắc Trung Bộ hiện nay?

- A. Lai Châu.
- B. Vũng Áng 1.
- C. Phả Lại 2.
- D. Phú Mỹ 1.

Câu 15. Phân bố dân cư khu vực đồng bằng ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mật độ dân số không đều giữa các vùng.
- B. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng.
- C. Chỉ tập trung đông dân ở dọc ven biển.
- D. Tỷ lệ dân thành thị luôn chiếm chủ yếu.

Câu 16. Đặc điểm tự nhiên chủ yếu nào sau đây làm cho miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có trữ năng thủy điện lớn?

- A. Địa hình vùng núi chia cắt mạnh, sông ngòi nhiều thác ghềnh.
- B. Nhiều sông có diện tích lưu vực lớn, mưa tập trung theo mùa.
- C. Địa hình núi cao chiếm ưu thế, sông có chế độ nước theo mùa.
- D. Sông ngòi có lưu lượng nước lớn, chảy qua vùng có địa hình dốc.

Câu 17. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung bộ chủ yếu do

- A. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
- B. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
- C. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
- D. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.

Câu 18. Các cây trồng nào sau đây ở nước ta là cây ăn quả lâu năm?

- A. Điều, hồ tiêu.
- B. Bông, đậu tương.
- C. Xoài, chè.
- D. Mít, nhãn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Số dân của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2020 và năm 2023

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	In-đô-nê-xi-a	Phi-li-pin	Việt Nam
-----	---------------	------------	----------

2020	274,8	112,1	98,1
2023	281,2	114,9	100,4

(Nguồn: <https://danso.org>)

- a) Năm 2023, số dân của Việt Nam thấp nhất.
b) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của cả ba quốc gia đều tăng.
c) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của Phi-li-pin tăng nhiều nhất.
d) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của In-đô-nê-xi-a tăng gấp 1,5 lần.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Địa hình của miền khá phức tạp, gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn, các cao nguyên badan, đồng bằng châu thổ sông mở rộng và đồng bằng ven biển nhỏ hẹp. Khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ và hai mùa mưa, khô rõ rệt. Ven biển có hệ sinh thái rừng ngập mặn phát triển mạnh.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
b) Biên độ nhiệt năm của miền nhỏ là do vị trí địa lý gần xích đạo và không nằm trong phạm vi hoạt động của gió mùa Đông Bắc.
c) Trong miền, sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế; ngoài ra còn phổ biến các loài cây ôn đới và thú có lông dày như gấu, chồn.
d) Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng cận xích đạo gió mùa, phổ biến là các loài nhiệt đới, xích đạo.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc có đường biên giới rất dài với Trung Quốc, ngoài ra còn giáp Lào; giáp với các vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên như địa hình, đất, khí hậu, nguồn nước... thuận lợi để phát triển ngành trồng trọt với cơ cấu cây trồng đa dạng, gồm cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại rau.

- a) Trung du miền núi phía Bắc là cửa ngõ kết nối với thế mạnh nổi bật về giao thông vận tải đường biển.
b) Khí hậu nóng quanh năm, lượng mưa lớn là điều kiện quan trọng để vùng thúc đẩy thâm canh, tăng vụ trong trồng trọt.
c) Chè là cây công nghiệp quan trọng số một của vùng, hiện nay hướng tới phát triển theo hướng hữu cơ, an toàn và gắn với chế biến sâu.
d) Trung du miền núi phía Bắc là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn trong cả nước.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
b) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng và hướng tới phát triển bền vững.
c) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
d) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**Câu 1.** Cho bảng số liệu:**Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023**

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4558,2
2023	884,6	4437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2023, sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta đạt 5552187,0 tấn. Trong đó, Đồng bằng

sông Cửu Long chiếm tỉ lệ là 70,7%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2023, vận tải đường sông nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 368,04 triệu tấn; khối lượng luân chuyển hàng hóa là 37443,69 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển hàng hóa trung bình của đường sông nước ta năm 2023 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,8	17,2	17,9	20,0	19,8	19,8	19,3	19,9	19,4	19,1	18,4	17,5

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Lạt là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2023, tổng số dân nước ta là 100309,21 nghìn người. Trong đó, số dân thành thị là 38219,71 nghìn người. Hãy cho biết năm 2023, tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Huế và trạm quan trắc Đà Nẵng

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1.613,3	1.005,5	785,7
Đà Nẵng	184,0	88,4	15,9	22,7	55,9	106,3	89,7	32,3	456,5	1.836,2	742,0	317,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, tổng lượng mưa tại trạm quan trắc Đà Nẵng thấp hơn tổng lượng mưa tại trạm quan trắc Huế là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

-----Hết-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	B	C	B	A	C	A	C	A	D	C	D	D	A	B	A	D	A	D

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu	a	b	c	d
1	Đúng	Đúng	Sai	Sai
2	Sai	Đúng	Sai	Đúng
3	Sai	Sai	Đúng	Đúng
4	Sai	Đúng	Đúng	Sai

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	1,8	3,9	102	18,8	38,1	1004

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu 1. Đáp án B

Câu hỏi: Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc

- Vùng này giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- Không giáp Cam-pu-chia.
- Không tiếp giáp Nam Trung Bộ.

• Phía đông có nơi giáp vịnh Bắc Bộ, nhưng đặc điểm nổi bật, trực tiếp và chính xác nhất trong các phương án là **giáp Trung Quốc ở phía bắc**.

Chọn B.

Câu 2. Đáp án C

Câu hỏi: Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh về

- Đông Nam Bộ nổi bật về **khai thác dầu khí**, nhất là ở thềm lục địa phía nam.
- Không mạnh về cây cận nhiệt hay rau vụ đông vì khí hậu không phù hợp.
- Than nâu không phải thế mạnh nổi bật hiện nay của vùng.

Chọn C.

Câu 3. Đáp án B

Câu hỏi: Loại thiên tai thường xảy ra ở vùng núi phía Bắc vào mùa đông

- Vùng núi phía Bắc vào mùa đông thường chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc.
- Vì vậy hay xảy ra **rét đậm, rét hại**.
- Lũ lụt, giông lốc thường gắn với mùa mưa nóng hơn.

Chọn B.

Câu 4. Đáp án A

Câu hỏi: Ngành trồng trọt ở nước ta hiện nay

- Hiện nay trồng trọt nước ta đang **đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ**: giống mới, tưới tiết kiệm, cơ giới hóa, nông nghiệp công nghệ cao.
- Trồng trọt vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong nông nghiệp nên B sai.
- Không chỉ phát triển chuyên canh ở đồng bằng lớn, mà còn ở trung du, miền núi, Tây Nguyên.
- Sản phẩm cây công nghiệp vẫn rất chú trọng xuất khẩu nên D sai.

Chọn A.

Câu 5. Đáp án C

Câu hỏi: Dịch vụ thuộc ngành bưu chính

- **Chuyển bưu kiện** là hoạt động của ngành bưu chính.
- Điện thoại cố định, truyền hình cáp, cáp quang Internet thuộc viễn thông.

Chọn C.

Câu 6. Đáp án A

Câu hỏi: Môi trường biển, đảo nước ta không có đặc điểm nào

- Phương án A nói **các đảo không chịu tác động bởi hoạt động của con người** là sai.
- Thực tế đảo chịu tác động rõ rệt của khai thác tài nguyên, du lịch, cư trú, quốc phòng, ô nhiễm...
- Các phương án còn lại là những đặc điểm đúng.

Chọn A.

Câu 7. Đáp án C

Câu hỏi: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của địa hình biểu hiện qua đặc điểm nào

- Trong môi trường nhiệt đới ẩm, **quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ**.
- Đây là biểu hiện rõ của tác động khí hậu lên địa hình.
- Các đáp án khác phản ánh đặc điểm chung của địa hình nhưng không trực tiếp thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

Chọn C.

Câu 8. Đáp án A

Câu hỏi: Cơ cấu kinh tế theo ngành chuyển dịch theo hướng

- Xu hướng rõ nhất là **tăng tỉ trọng công nghiệp và xây dựng**, giảm tương đối tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp.
- Các phương án B, C chỉ là biện pháp hay biểu hiện cục bộ.
- D không phải xu hướng chung bắt buộc.

Chọn A.

Câu 9. Đáp án D

Câu hỏi: Ngành nội thương ở nước ta hiện nay

- Nội thương hiện nay phát triển với **đa dạng các loại hình**: chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, thương mại điện tử...
- Không hề bỏ hoàn toàn chợ truyền thống.
- Thương mại điện tử không tăng chậm.
- Không chỉ có trung tâm thương mại vốn trong nước.

Chọn D.

Câu 10. Đáp án C**Câu hỏi:** Vùng đất của nước ta

- Vùng đất bao gồm **phần đất liền và các hải đảo**.
- Không có diện tích lớn hơn vùng biển.
- Không giáp vùng đất Thái Lan.
- Khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa, không phải nhiệt đới lục địa.

Chọn C.**Câu 11. Đáp án D****Câu hỏi:** Chất lượng lao động nước ta hiện nay

- Chất lượng lao động nước ta **có sự phân hóa theo vùng**: các vùng đô thị, công nghiệp, đồng bằng thường có chất lượng cao hơn vùng sâu, vùng xa.
- Lao động nước ta không phải hầu hết đều có chuyên môn kỹ thuật cao.
- Việc tiếp thu khoa học – công nghệ không phải “rất hạn chế”.
- A không phản ánh đúng bản chất chung.

Chọn D.**Câu 12. Đáp án D****Câu hỏi:** Nhận xét đúng với biểu đồ sản lượng than sạch, dầu thô và điện phát ra giai đoạn 2013–2023 Theo biểu đồ:

- Điện phát ra năm 2013: **124454 triệu kWh**
- Điện phát ra năm 2023: **267582,2 triệu kWh**

Ta có:

$$2,15267582,2 \div 124454 \approx 2,15$$

- Vậy năm 2023 so với 2013, sản lượng điện phát ra **tăng gấp 2,15 lần**.
- A sai vì than sạch không tăng liên tục.
- B sai vì dầu thô không giảm đúng 50%.
- C sai vì tốc độ tăng của điện phát ra lớn hơn than sạch.

Chọn D.**Câu 13. Đáp án A****Câu hỏi:** Thuận lợi chủ yếu của Đồng bằng sông Cửu Long để phát triển cây lúa

- Đồng bằng sông Cửu Long có **khí hậu cận xích đạo**, nóng ẩm quanh năm, cùng với **đất phù sa màu mỡ**.
- Đây là điều kiện rất thuận lợi cho trồng lúa.
- Các đáp án khác đúng một phần nhưng không tiêu biểu và trực tiếp bằng **A**.

Chọn A.**Câu 14. Đáp án B****Câu hỏi:** Nhà máy nhiệt điện ở Bắc Trung Bộ

- **Vũng Áng 1** thuộc Hà Tĩnh, nằm ở Bắc Trung Bộ.
- Lai Châu là thủy điện.
- Phả Lại 2 ở Hải Dương.
- Phú Mỹ 1 ở Đông Nam Bộ.

Chọn B.**Câu 15. Đáp án A****Câu hỏi:** Phân bố dân cư khu vực đồng bằng ở nước ta

- Dân cư đồng bằng đông nhưng **mật độ dân số không đều giữa các vùng**.
- Tỷ lệ dân nông thôn không có xu hướng tăng chung.
- Không chỉ tập trung dọc ven biển.
- Tỷ lệ dân thành thị không phải luôn chiếm chủ yếu.

Chọn A.**Câu 16. Đáp án D****Câu hỏi:** Đặc điểm tự nhiên chủ yếu làm miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có trữ năng thủy điện lớn

- Thủy điện phụ thuộc chủ yếu vào:

o lưu lượng nước lớn

o địa hình dốc

- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiều sông lớn, độ dốc cao, nên trữ năng thủy điện lớn.

Chọn D.**Câu 17. Đáp án A**

Câu hỏi: Du lịch biển đảo phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- Nam Trung Bộ có biển đẹp, nhiều vũng vịnh, đảo, bãi tắm.
- Cùng với đó là **đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu du lịch lớn**, và **đa dạng hóa sản phẩm du lịch**.
- Đây là nguyên nhân tổng hợp, phù hợp nhất.
- Các đáp án khác chỉ nêu một vài yếu tố riêng lẻ.

Chọn A.

Câu 18. Đáp án D

Câu hỏi: Cây ăn quả lâu năm

- **Mít, nhãn** đều là cây ăn quả lâu năm.
- Điều là cây công nghiệp lâu năm, hồ tiêu là cây công nghiệp.
- Bông, đậu tương là cây hàng năm.
- Xoài là cây ăn quả lâu năm nhưng chè là cây công nghiệp lâu năm.

Chọn D.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1.

Bảng số liệu:

- In-đô-nê-xi-a: 2020 là 274,8 triệu người; 2023 là 281,2 triệu người
- Phi-li-pin: 2020 là 112,1 triệu người; 2023 là 114,9 triệu người
- Việt Nam: 2020 là 98,1 triệu người; 2023 là 100,4 triệu người.

a) Năm 2023, số dân của Việt Nam thấp nhất.

- Năm 2023:
 - o In-đô-nê-xi-a: 281,2
 - o Phi-li-pin: 114,9
 - o Việt Nam: 100,4
- Trong 3 nước, Việt Nam có số dân thấp nhất.

Kết luận: Đúng.

b) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của cả ba quốc gia đều tăng.

- In-đô-nê-xi-a tăng: $281,2 - 274,8 = 6,4$ triệu người.
- Phi-li-pin tăng: $114,9 - 112,1 = 2,8$ triệu người.
- Việt Nam tăng: $100,4 - 98,1 = 2,3$ triệu người.
- Cả ba quốc gia đều tăng dân số.

Kết luận: Đúng.

c) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của Phi-li-pin tăng nhiều nhất.

- So sánh mức tăng:
 - o In-đô-nê-xi-a: 6,4 triệu người
 - o Phi-li-pin: 2,8 triệu người
 - o Việt Nam: 2,3 triệu người
- Tăng nhiều nhất là In-đô-nê-xi-a, không phải Phi-li-pin.

Kết luận: Sai.

d) Năm 2023 so với năm 2020, số dân của In-đô-nê-xi-a tăng gấp 1,5 lần.

- Tỷ số là $281,2 / 274,8 \approx 1,02$ lần, không phải 1,5 lần.
- Như vậy nhận định này sai.

Kết luận: Sai.

Đáp án câu 1: Đúng – Đúng – Sai – Sai.

Câu 2.

Thông tin đề cho mô tả miền có:

- địa hình gồm khối núi cổ, sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan, đồng bằng châu thổ mở rộng, đồng bằng ven biển nhỏ hẹp;
- khí hậu cận xích đạo gió mùa, nền nhiệt cao, biên độ nhiệt năm nhỏ, hai mùa mưa – khô rõ rệt;
- ven biển có rừng ngập mặn phát triển mạnh.

Đây là đặc điểm của **miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ**, không phải miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có đặc trưng khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- Nội dung đề bài phù hợp với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ hơn.

Kết luận: Sai.

b) Biên độ nhiệt năm của miền nhỏ là do vị trí địa lí gần xích đạo và không nằm trong phạm vi hoạt động của gió mùa Đông Bắc.

- Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nằm gần xích đạo hơn nên nền nhiệt cao quanh năm, biên độ nhiệt nhỏ.
- Đồng thời khu vực này ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc hơn miền Bắc.

Kết luận: Đúng.

c) Trong miền, sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế; ngoài ra còn phổ biến các loài cây ôn đới và thú có lông dày như gấu, chồn.

- Miền này tiêu biểu là sinh vật nhiệt đới, cận xích đạo.
- Các loài cây ôn đới và thú có lông dày không phải đặc trưng phổ biến của miền này.

Kết luận: Sai.

d) Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng cận xích đạo gió mùa, phổ biến là các loài nhiệt đới, xích đạo.

- Đây là nhận định phù hợp với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Kết luận: Đúng.

Đáp án câu 2: Sai – Đúng – Sai – Đúng.

Câu 3.

Thông tin đề cho nói về **Trung du và miền núi phía Bắc**: giáp Trung Quốc, giáp Lào, giáp Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ; có điều kiện phát triển trồng trọt với cơ cấu cây trồng đa dạng.

a) Trung du miền núi phía Bắc là cửa ngõ kết nối với thế mạnh nổi bật về giao thông vận tải đường biển.

- Vùng này có thế mạnh nổi bật về giao lưu qua biên giới đất liền với Trung Quốc và Lào.
- Không nổi bật về giao thông vận tải đường biển.

Kết luận: Sai.

b) Khí hậu nóng quanh năm, lượng mưa lớn là điều kiện quan trọng để vùng thúc đẩy thâm canh, tăng vụ trong trồng trọt.

- Trung du và miền núi phía Bắc không có khí hậu nóng quanh năm.
- Mùa đông lạnh là một đặc điểm rõ của vùng.

Kết luận: Sai.

c) Chè là cây công nghiệp quan trọng số một của vùng, hiện nay hướng tới phát triển theo hướng hữu cơ, an toàn và gắn với chế biến sâu.

- Đây là nhận định đúng với thực tế sản xuất của vùng.
- Chè là cây công nghiệp lâu năm rất tiêu biểu của Trung du và miền núi phía Bắc.

Kết luận: Đúng.

d) Trung du miền núi phía Bắc là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn trong cả nước.

- Vùng có các vùng chuyên canh chè, cây dược liệu, cây ăn quả cận nhiệt và ôn đới, một số cây công nghiệp khác.
- Vì vậy đây là nhận định đúng.

Kết luận: Đúng.

Đáp án câu 3: Sai – Sai – Đúng – Đúng.

Câu 4.

Thông tin đề cho nêu rõ: chăn nuôi lợn phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ cao, lao động có kinh nghiệm, chuyển dịch mạnh sang chăn nuôi trang trại công nghiệp; hướng phát triển hiện nay là an toàn sinh học, công nghệ cao, chuỗi liên kết giá trị.

a) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.

- Từ “hoàn toàn thay thế” là không đúng.
- Trong thực tế vẫn còn sử dụng nhiều nguồn thức ăn khác nhau tùy quy mô và mô hình chăn nuôi.

Kết luận: Sai.

b) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng và hướng tới phát triển bền vững.

- Đây chính là nội dung phù hợp với định hướng phát triển ngành chăn nuôi hiện nay.

Kết luận: Đúng.

c) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.

- Đề đã nêu rõ nhiều điều kiện thuận lợi: thức ăn, thị trường, lao động, mô hình tổ chức sản xuất.

Kết luận: Đúng.

d) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.

- Mô hình an toàn sinh học giúp giảm nguy cơ dịch bệnh, chứ không thể bảo đảm “hoàn toàn không bị”.
- Từ “hoàn toàn” làm cho nhận định sai.

Kết luận: Sai.

Đáp án câu 4: Sai – Đúng – Đúng – Sai.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1.

Bảng cho:

- Năm 2020: diện tích 942,5 nghìn ha, sản lượng 4558,2 nghìn tấn.
- Năm 2023: diện tích 884,6 nghìn ha, sản lượng 4437,2 nghìn tấn.

Năng suất ngô năm 2020 là $4558,2 / 942,5 \approx 4,8379$ tấn/ha.

Năng suất ngô năm 2023 là $4437,2 / 884,6 \approx 5,0151$ tấn/ha.

Mức tăng năng suất là $5,0151 - 4,8379 \approx 0,1772$ tấn/ha.

Đổi ra tạ/ha: $0,1772 \times 10 \approx 1,772$ tạ/ha.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: 1,8 tạ/ha.

Đáp án: 1,8.

Câu 2.

Đề cho năm 2023, sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta là 5552187,0 tấn, trong đó Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 70,7%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng của Đồng bằng sông Cửu Long là $5552187,0 \times 70,7\% = 3920396,209$ tấn.

Đổi ra triệu tấn: $3920396,209 / 1000000 \approx 3,920396209$ triệu tấn.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: 3,9 triệu tấn.

Đáp án: 3,9.

Câu 3.

Đề cho:

- Khối lượng vận chuyển hàng hóa đường sông: 368,04 triệu tấn.
- Khối lượng luân chuyển hàng hóa: 37443,69 triệu tấn.km.

Cự li vận chuyển trung bình là $37443,69 / 368,04 \approx 101,7382$ km.

Làm tròn đến hàng đơn vị: 102 km.

Đáp án: 102.

Câu 4.

Bảng nhiệt độ trung bình tháng ở Đà Lạt năm 2023 là:

16,8; 17,2; 17,9; 20,0; 19,8; 19,8; 19,3; 19,9; 19,4; 19,1; 18,4; 17,5.

Nhiệt độ trung bình năm là

$(16,8 + 17,2 + 17,9 + 20,0 + 19,8 + 19,8 + 19,3 + 19,9 + 19,4 + 19,1 + 18,4 + 17,5) / 12$
 $= 225,1 / 12 \approx 18,7583$ độ C.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: 18,8 độ C.

Đáp án: 18,8.

Câu 5.

Đề cho:

- Tổng số dân: 100309,21 nghìn người.
- Dân thành thị: 38219,71 nghìn người.

Tỉ lệ dân thành thị là $(38219,71 / 100309,21) \times 100 \approx 38,1019\%$.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: 38,1%.

Đáp án: 38,1.

Câu 6.

Bảng lượng mưa năm 2023:

- Huế: 296,5; 234,2; 2,3; 44,6; 142,5; 92,3; 10,6; 41,8; 681,7; 1613,3; 1005,5; 785,7
- Đà Nẵng: 184,0; 88,4; 15,9; 22,7; 55,9; 106,3; 89,7; 32,3; 456,5; 1836,2; 742,0; 317,2.

Tổng lượng mưa ở Huế là

$296,5 + 234,2 + 2,3 + 44,6 + 142,5 + 92,3 + 10,6 + 41,8 + 681,7 + 1613,3 + 1005,5 + 785,7 =$
 $4950,999999999999$ mm, tức 4951,0 mm.

Tổng lượng mưa ở Đà Nẵng là

$184,0 + 88,4 + 15,9 + 22,7 + 55,9 + 106,3 + 89,7 + 32,3 + 456,5 + 1836,2 + 742,0 + 317,2 = 3947,1$ mm.

Đà Nẵng thấp hơn Huế là $4951,0 - 3947,1 = 1003,9$ mm.

Làm tròn đến hàng đơn vị: 1004 mm.

Đáp án: 1004.